

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HC-ST
Ngày: 24 - 4 - 2024
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Kỳ

Ông Đào Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2022/TLST-HC ngày 09 tháng 6 năm 2022, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 03 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 47/TB-TA ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1980; Bà Hồng Thị Thanh H, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2022).

2. Ông Nguyễn Công H1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Lô H Khu dân cư B, thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2023).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H2 – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đặng Phước H3 – Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn phòng Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc H4 – Công chức Địa chính, Xây dựng (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2022).

2. Ông Trần Văn M, sinh năm 1954

3. Bà Phạm Thị H5, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

4. Chi nhánh Văn phòng Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Phước H3 – Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn phòng Đ.

Tại phiên tòa, có mặt ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H, ông Đặng Phước H3, ông Nguyễn Ngọc H4; vắng mặt các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2006, vợ chồng ông Q, bà H được ba mẹ ông Q tặng cho một thửa đất có diện tích 237 m², tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Thửa đất này nằm trong thửa đất có diện tích 5.794 m², thuộc thửa đất số 843, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101, số vào sổ cấp GCN 359QSDĐ/1980 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/12/1996 cho bà Phạm Thị H5 (mẹ ruột ông Q). Thời điểm tặng cho chỉ nói miệng không lập giấy tờ gì và vợ chồng ông Q, bà H cũng đã xây nhà ở ổn định cho đến nay, tất cả người thân trong gia đình đều biết và không ai phản đối hay xảy ra tranh chấp gì.

Đến năm 2014, thực hiện theo Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Bình Thuận (còn gọi là Dự án 920) thì có đoàn đo đạc xuống và tiến hành đo đạc để cập nhật cơ sở dữ liệu. Đến ngày 27/8/2014, vợ chồng ông Q, bà H được cán bộ địa chính của Ủy ban nhân dân xã H mời lên đóng thuế tiền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã H để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Khi đó, vợ chồng ông Q, bà H không hiểu biết nhiều về việc đo đạc và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nên khi được cán bộ địa chính xã H mời lên đóng thuế sử dụng đất thì đã tuân thủ thực hiện xong việc đóng thuế tiền sử dụng đất với số tiền là 17.064.000 đồng.

Sau khi đóng tiền thuế sử dụng đất thì vào ngày 19/12/2014 vợ chồng ông Q, bà H được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099, số vào sổ cấp GCN CH 04797, thuộc thửa đất số 535, tờ bản đồ số 19, diện tích 237 m², tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Đến đầu năm 2016, bà Phạm Thị H5 thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 thì Chi nhánh Văn phòng Đ thẩm tra hồ sơ, đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện một phần thửa đất của vợ chồng ông Q, bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trùng vào thửa đất cấp đổi của bà Phạm

Thị H5, do đó Chi nhánh Văn phòng Đ chuyển trả hồ sơ và yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Q, bà H để được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị H5 theo đúng hiện trạng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101.

Đến khoảng cuối tháng 3/2018 thì cán bộ địa chính xã H mời ông Trần Văn M (ba ruột ông Q) và bàn giao Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 061099 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 19/12/2014 cho hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H, với lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cấp trùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/12/1996.

Vợ chồng ông Q, bà H đã tuân thủ pháp luật và giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 cho Ủy ban nhân dân xã H. Khi ông Q, bà H giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cán bộ địa chính xã H có hướng dẫn là thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sai quy định, sau đó sẽ được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, vợ chồng ông Q, bà H chờ đợi một thời gian nhưng chưa thấy cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Sau khi chờ quá lâu và vợ chồng ông Q, bà H chủ động lên Ủy ban nhân dân xã H hỏi về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được hướng dẫn là nhận lại tiền thuế đất đã nộp vào ngày 27/8/2014 là 17.064.000 đồng, sau đó phải đóng lại tiền thuế đất hiện nay khoảng 230.000.000 đồng thì mới được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 03/11/2021, ông Q, bà H có đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu giải quyết đối với việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ chồng ông Q, bà H thì nhận được công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã H giải quyết như sau: *“Việc yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Ngọc Q và bà Hồng Thị Thanh H, thì bà Phạm Thị H5 phải mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 đến xã để đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất, sau đó mới lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định”*.

Từ những căn cứ nêu trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Q, bà H được pháp luật bảo vệ. Bởi vì, nếu Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sai sót về trình tự, thủ tục thì phải có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền thuế sử dụng đất vợ chồng ông Q, bà H đã nộp vào ngày 27/8/2014 là 17.064.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi bị thu hồi và được hướng dẫn cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới thì vợ chồng ông Q, bà H phải đóng thuế tiền sử dụng đất với giá hiện nay là khoảng 230.000.000 đồng.

Vì vậy, nay vợ chồng ông Q, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Ngọc Q và bà Hồng Thị Thanh H.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất có diện tích 237 m², thuộc thửa đất số 535, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận cho hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H có ý kiến tại Văn bản số 1866/UBND-NC ngày 05/8/2022:

Ngày 27/12/1996, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 đứng tên hộ bà Phạm Thị H5 (bà H5 là mẹ của ông Trần Ngọc Q), thửa đất số 843, tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ 299*) diện tích 5.794m², mục đích sử dụng đất 02 lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2016, được gia hạn đến tháng 12/2066. Trong quá trình sử dụng, năm 2003, ông Trần Ngọc Q xây dựng nhà trên thửa đất 843/5.794m².

Đến năm 2009, Công ty A là đơn vị thi công Dự án 920 tại xã H tiến hành đo đạc bản đồ địa chính. Trong quá trình đo đạc đã tách thửa 843/5.794m² thành 03 thửa, gồm: Thửa 535/237m²; thửa 550/2.056,4m²; thửa 566/3.664,3m², tờ bản đồ số 19.

Năm 2014, Ủy ban nhân dân xã H tiếp tục xét cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H, thửa đất số 535/237m² và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài. Khi nhận Giấy chứng nhận, ông Trần Ngọc Q đã nộp tiền sử dụng đất với số tiền 17.064.000 đồng.

Đến tháng 5/2017, hộ bà Phạm Thị H5 nộp hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 ngày 27/12/1996 theo bản đồ địa chính, Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra, phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 đứng tên ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H trùng một phần của thửa đất số 843, tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ 299*), diện tích 5.794 m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 cấp ngày 27/12/1996 đứng tên hộ bà Phạm Thị H5, nên đã chuyển trả hồ sơ.

Ngày 26/9/2017, Ủy ban nhân dân xã H có Tờ trình số 204/TTr-UBND, đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 đứng tên hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H. Qua kiểm tra, xác minh, Chi nhánh Văn phòng Đ có Báo cáo số 118/CNVPĐKĐHTB ngày 07/02/2018, đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 đứng tên hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H; đồng thời, đề nghị thoái thu lại tiền sử dụng đất mà ông Trần Ngọc Q đã nộp vào ngân sách Nhà nước với số tiền 17.064.000 đồng.

Ngày 15/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1243/QĐ-UBND, về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông

Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H, thường trú thôn T, xã H. Lý do thu hồi: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 cấp ngày 19/12/2014 đứng tên hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H cấp trùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 cấp ngày 27/12/1996 đứng tên hộ bà Phạm Thị H5 (mẹ ông Trần Ngọc Q). Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 đứng tên ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H là đúng theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai 2013 và Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H có ý kiến tại Văn bản số 356/UBND-KT ngày 05/8/2022:

Ngôi nhà vợ chồng ông Trần Ngọc Q được xây dựng trên thửa đất trồng lúa của bà Phạm Thị H5 (là mẹ ruột của ông Q) vào năm 2003, tại thửa đất số 843, diện tích 5.794m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/12/1996, mục đích sử dụng đất: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại thôn T, xã H.

Theo Dự án 920 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị đo đạc, xác lập hồ sơ Dự án là Công ty A đã đo đạc hiện trạng có ngôi nhà đã xây dựng trên thửa đất trồng lúa mà bà Phạm Thị H5 đang đứng tên nêu trên. Thời điểm này đơn vị đo đạc không đối chiếu và thu thập thông tin thiếu chính xác đối với diện tích mà ông Q xây dựng nhà, nên đã chỉnh lý thành một thửa độc lập quy chủ và xác lập hồ sơ để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Q, bà H.

Ngày 19/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Q, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099, thuộc thửa đất số 535, tờ bản đồ số 19, diện tích 237m², đất ở nông thôn, cấp theo Dự án 920. Tại thời điểm nhận sổ, vợ chồng ông Trần Ngọc Q đã nộp vào kho bạc số tiền 17.064.000 đồng.

Đầu năm 2016, bà Phạm Thị H5 lập thủ tục hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 thì Chi nhánh Văn phòng Đ thẩm tra hồ sơ, đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hiện một phần thửa đất của ông Trần Ngọc Q đã được cấp Giấy chứng nhận nằm trùng vào thửa đất cấp đổi của bà Phạm Thị H5, do đó Chi nhánh Văn phòng Đ chuyển trả hồ sơ và yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận của ông Trần Ngọc Q để cấp đổi lại Giấy chứng nhận cho hộ bà Phạm Thị H5 theo quy định.

Vào thời điểm đó, Công chức Địa chính – Xây dựng xã H đã mời bà Phạm Thị H5 làm việc để trả hồ sơ, giải thích và hướng dẫn thủ tục để được cấp đổi, cấp lại theo quy định (thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Q do cấp chồng lên một phần diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà H5, sau đó mới thực hiện cấp đổi, cấp lại theo quy định). Sau khi bà Phạm Thị H5, ông Trần Ngọc Q mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 đến giao cho Công chức Địa chính – Xây dựng xã, ngày 26/9/2017, Ủy ban nhân dân xã có Tờ trình số 204/TTr-UBND gửi Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Ủy ban nhân dân huyện thu hồi Giấy chứng nhận này, đồng thời thoái thu tiền sử dụng đất 17.064.000 đồng mà ông Trần Ngọc Q đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Việc Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099, thửa đất số 535, tờ bản đồ số 19, diện tích 237m², cấp ngày 26/9/2017, do ông Trần Ngọc Q đứng tên là phù hợp. Lý do: Thửa đất số 535 đã bị cấp trùng lên một phần diện tích thửa đất số 843, diện tích 5.794m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ bà Phạm Thị H5 ngày 27/12/1996.

2. Ông Trần Văn M và bà Phạm Thị H5 trình bày tại Bản tự khai đề ngày 21/11/2022: Thống nhất theo nội dung đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc Q và bà Hồng Thị Thanh H về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Ngọc Q và bà Hồng Thị Thanh H.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ tiến hành cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất có diện tích 237m², thuộc thửa đất số 535, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận cho hộ ông Trần Ngọc Q và bà Hồng Thị Thanh H theo quy định của pháp luật.

3. Chi nhánh Văn phòng Đ do ông Đặng Phước H3 đại diện trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân huyện H tại Văn bản số 1866/UBND-NC ngày 05/8/2022.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 106, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 69, Điều 75, Điều 79, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Ngọc Q và bà Hồng Thị Thanh H; Buộc vợ chồng ông Q, bà H chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, nhưng có mặt người khởi kiện ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H; vắng mặt người đại diện hợp pháp của người

bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H, nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này như đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 15/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1243/QĐ-UBND, về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 cấp ngày 19/12/2014 đứng tên hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã H không giao Quyết định cho vợ chồng ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H.

Sau khi biết được Quyết định số 1243/QĐ-UBND nêu trên, vợ chồng ông Q, bà H làm đơn khiếu nại. Đến ngày 23/02/2022, Ủy ban nhân dân xã H trả lời đơn theo Công văn số 94/UBND.

Như vậy, đến ngày 19/4/2022, vợ chồng ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H gửi đơn khởi kiện (qua đường bưu điện) là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét quyết định hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Ngày 27/12/1996, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 đứng tên hộ bà Phạm Thị H5, thửa đất số 843, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.794m². Trong quá trình sử dụng đất, đến năm 2003, ông Trần Ngọc Q xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất này.

Đến năm 2009, Công ty A là đơn vị thi công Dự án 920 tại xã H tiến hành đo đạc bản đồ địa chính. Trong quá trình đo đạc đã tách thửa 843/5.794m² thành 03 thửa, gồm: Thửa 535/237m²; thửa 550/2.056,4m²; thửa 566/3.664,3m², tờ bản đồ số 19.

Năm 2014, vợ chồng ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 535/237m² và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài.

Đến tháng 5/2017, hộ bà Phạm Thị H5 nộp hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 ngày 27/12/1996, Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra, phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 đứng tên ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H trùng một phần của thửa đất số 843, tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ 299*), diện tích 5.794 m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 cấp ngày 27/12/1996 đứng tên hộ bà Phạm Thị H5, nên đã chuyển trả hồ sơ.

Ngày 26/9/2017, Ủy ban nhân dân xã H có Tờ trình số 204/TTr-UBND, đề

ngợi thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 đứng tên hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H. Qua kiểm tra, xác minh, Chi nhánh Văn phòng Đ có Báo cáo số 118/CNVPĐKĐĐTHTB ngày 07/02/2018, đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 đứng tên hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H. Ngày 15/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1243/QĐ-UBND, về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H, với lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 cấp ngày 19/12/2014 đứng tên hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H cấp trùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101, cấp ngày 27/12/1996 đứng tên hộ bà Phạm Thị H5 (mẹ ông Trần Ngọc Q).

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 đứng tên ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.

[3.2] Về nội dung:

Xét thấy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 đối với thửa đất số 535/237m² nêu trên là do khi đo đạc theo Dự án 920 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, đơn vị đo đạc, xác lập hồ sơ Dự án đã không đối chiếu và thu thập thông tin thiếu chính xác đối với diện tích mà vợ chồng ông Q xây dựng nhà, nên đã chỉnh lý thành một thửa độc lập, quy chủ và xác lập hồ sơ để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho vợ chồng ông Q, bà H trùng một phần thửa đất số 843, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.794m², đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 ngày 27/12/1996 cho hộ bà Phạm Thị H5.

Vợ chồng ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H cho rằng thửa đất số 535/237m² vợ chồng ông Q, bà H được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 ngày 19/12/2014 là do cha mẹ tặng cho vào năm 2003. Tuy nhiên, xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 hoàn toàn không có tài liệu nào thể hiện việc cấp thửa đất này cho vợ chồng ông Q, bà H là do cha mẹ tặng cho.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 15/3/2018, về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 061099 cấp ngày 19/12/2014 đứng tên hộ ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H, với lý do cấp trùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423101 do Ủy ban nhân dân

huyện H cấp ngày 27/12/1996 đứng tên hộ bà Phạm Thị H5 (mẹ ông Trần Ngọc Q) là đúng quy định.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Q, bà H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính;

- Khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.;

- Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Ngọc Q và bà Hồng Thị Thanh H.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc người khởi kiện ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H đã nộp theo Biên lai thu số 0008318 ngày 30/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận; Hoàn trả lại cho ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc người khởi kiện ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H phải chịu 2.760.000đồng (*Hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*); ông Trần Ngọc Q, bà Hồng Thị Thanh H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa và vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/4/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa không có người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm

yết theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, THC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái